

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/DS-ST

Ngày: 22-7- 2022

*“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thom.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Duyên và bà Trần Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn văn Mau – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2022, và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2022/QĐST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2022 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 19/2022/TB-TA ngày 05 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Cái Bạch Đ, sinh năm 1947

Địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp Y, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn ông Cái Bạch Đ trình bày:

Vào ngày 27 tháng 8 âm lịch năm 2019 ông Đ cho bà D vay 5.000.000 đồng, tiếp đó đến ngày 23 tháng 4 âm lịch năm 2020 bà D hỏi vay thêm 5.000.000 đồng, tổng cộng bà D vay của ông Đ 10.000.000 đồng có ký giấy biên nhận nợ với ông Đ. Khi vay tiền các bên có thỏa thuận trả góp tiền nợ trong thời gian 40 ngày, mỗi ngày góp 300.000 đồng. Tuy nhiên sau khi vay tiền bà D không chịu trả góp như thỏa thuận. Ông Đ đã nhiều lần đòi nợ nhưng bà D cố tình né tránh. Sau đó bà D trả cho ông Đ nhiều lần được tổng cộng 3.500.000 đồng. Trong đơn khởi kiện ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D phải trả số nợ là 8.500.000 đồng.

Tại phiên tòa ông Đ cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án bà D đã trả thêm 2.500.000 đồng và hiện còn nợ 6.000.000 đồng nên yêu cầu bà D trả 6.000.000 đồng và không có yêu cầu nào khác.

Bà Trần Thị D đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không gửi văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện hay phản đối yêu cầu khởi kiện của ông Cái Bạch Đ.

Kết quả thu thập chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: Biên nhận nợ ngày 27 tháng 8 âm lịch năm 2019.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Nội dung thống nhất: Không có

Nội dung không thống nhất: Ông Đ xác định bà D còn nợ 6.000.000 đồng và yêu cầu bà D trả số nợ 6.000.000 đồng.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đề nghị áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà D trả cho ông Đ 6.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật có tranh chấp giữa các đương sự: Nội dung khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp do vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ hợp đồng dân sự và các đương sự cùng có nơi cư trú trên địa bàn huyện A, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên và quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai, căn cứ vào khoản 2 điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt đối với bà D.

Cũng tại phiên tòa ông Đ xác định trong quá trình giải quyết vụ kiện bà D đã trả thêm được 2.500.000 đồng nên chỉ tiếp tục yêu cầu bà D trả số tiền còn lại là 6.000.000 đồng, nhận thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Đ khởi kiện yêu cầu bà D trả số nợ 8.500.000 đồng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có Thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà D không có ý kiến phản hồi hay phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các chứng cứ chứng minh việc đã trả nợ.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

Quá trình khởi kiện ông Đ cung cấp chứng cứ là biên nhận nợ thể hiện bà D có vay của ông Đ 10.000.000 đồng, các bên thỏa thuận trả góp 40 ngày mỗi ngày 300.000 đồng. Tuy nhiên bà D đã không thực hiện trả nợ như thỏa thuận đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông Đ khởi kiện yêu cầu bà D trả nợ là có căn cứ.

Nhận thấy giao dịch giữa ông Đ và bà D là hợp đồng vay tiền có thỏa thuận trả lãi, do đó ngoài số tiền cho vay thì bà D phải thực hiện trả lãi cho ông Đ là phù hợp với nội dung thỏa thuận cũng như quy định của pháp luật. Khi vay tiền các bên thỏa thuận trả góp trong 40 ngày cả vốn và lãi bằng 12.000.000 đồng, trong thời gian vay 40 ngày tiền lãi phải trả là 2.000.000 đồng/10.000.000 đồng tiền vốn thì số lãi vượt quá mức lãi suất theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bà D đã không thực hiện trả góp như thỏa thuận do đó ông Đ tính lãi từ thời điểm cho vay đến nay và yêu cầu bà D phải trả tiền lãi là 2.000.000 đồng thì số tiền lãi ông Đ yêu cầu không vượt quá mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên được xem xét chấp nhận.

Ông Đ đã xác định trước và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án bà D đã trả cho ông Đ tổng cộng được 6.000.000 đồng, hiện nay còn nợ 6.000.000 đồng nên căn cứ vào Điều 280 và Điều 466 Bộ luật dân sự cần buộc bà D tiếp tục phải trả cho ông Đ số tiền 6.000.000 đồng.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền ông Đ không có yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

[4] Về án phí của vụ án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Án phí bà D phải nộp là: $6.000.000 \times 5\% = 300.000$ đồng.

Ông Đ được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015;

Áp dụng Điều 280, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Cái Bạch Đ.

Buộc bà Trần Thị D phải hoàn trả cho ông Cái Bạch Đ số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Việc trả nợ được thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Ông Cái Bạch Đ không có yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí vụ kiện: Bà Trần Thị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Ông Cái Bạch Đ được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004532 ngày 28/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A , tỉnh Kiên Giang tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 22/7/2022, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒANơi nhận:

- TAT;
- VKS An Biên;
- THADS;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

*(Đã ký)***Đinh Thị Thơm**